

28/04/2025

KHUYẾN NGHỊ	TĂNG TỶ TRỌNG
Giá hợp lý	50,600
Giá hiện tại	43,000
Tiềm năng tăng/giảm	18%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	154.0
Free float (triệu)	20.0
Vốn hóa (tỷ VND)	6,622.39
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	244,465
Sở hữu nước ngoài (%)	49.4%
Ngày niêm yết đầu tiên	04/12/2006

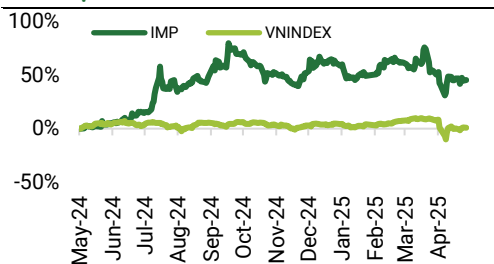
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SK và các bên liên quan (KBA, Bình Minh Kim)	64.8%
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22.0%
Khác	13.2%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	2,156
BVPS (VND)	14,594
Nợ/VCSH	0.3
ROA (%)	12.7%
ROE (%)	15.4%
P/E	21.8
P/B	2.9
Tỷ suất cổ tức (%)	1.2%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược phẩm Imexpharm (HSX: IMP) được thành lập vào năm 1977 có tiền thân là Công ty Dược phẩm Cấp II tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Imexpharm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dược phẩm, bao gồm các loại thuốc và sản phẩm y tế khác nhau. IMP hiện đang vận hành 4 nhà máy, trong đó có 12 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP và dẫn đầu thị phần thuốc kháng sinh tại Việt Nam, đạt 10%.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa
hoaduong@phs.vn

VỊ THẾ DẪN ĐẦU, TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

- IMP công bố KQKD Q1/2025 tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 23% kế hoạch doanh thu và 19% kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Mức tăng trưởng được hỗ trợ đồng đều từ cả hai kênh ETC và OTC, lần lượt đạt 27% YoY và 25% YoY.
- Cho năm 2025, IMP đặt kế hoạch kinh doanh năm 2025 với tổng doanh thu tăng 18.6% YoY đạt 2,981 tỷ đồng và LNTT tăng 22.1% YoY đạt 493.5 tỷ đồng. Chiến lược trọng tâm của công ty gồm: (1) khai thác phân khúc dược phẩm công nghệ cao tại kênh ETC, (2) tăng cường hợp tác với các chuỗi nhà thuốc và mở rộng mạng lưới phân phối tại miền Bắc tại kênh OTC. Bên cạnh đó, dự án nhà máy IMP5 sẽ khởi công xây dựng vào cuối năm 2025 và sản xuất thương mại từ năm 2028, tập trung vào các nhóm điều trị ngoài kháng sinh như tim mạch, tiểu đường, tiêu hóa...
- Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng của IMP dựa trên các kỳ vọng: (1) xu hướng ngành thuận lợi, (2) lợi thế sản xuất theo tiêu chuẩn cao EU-GMP, (3) dẫn đầu thị trường thuốc kháng sinh và (4) chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm ngoài kháng sinh trong trung và dài hạn. Cho năm 2025F, chúng tôi dự phóng IMP sẽ ghi nhận doanh thu gộp tăng 14.8% YoY đạt 2,886 tỷ đồng và LNTT tăng 18.1% YoY đạt 477 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ lên mức 39.5% (+70bps YoY) nhờ đóng góp tích cực từ thuốc kháng sinh giá trị cao và kiểm soát chi phí NVL hiệu quả.
- Sử dụng phương pháp định giá DCF và P/E, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** dành cho IMP với giá hợp lý là 50,600 VND/cổ phiếu (tăng 19% so với định giá trước đó), tương ứng mức tăng giá tiềm năng là 18%.

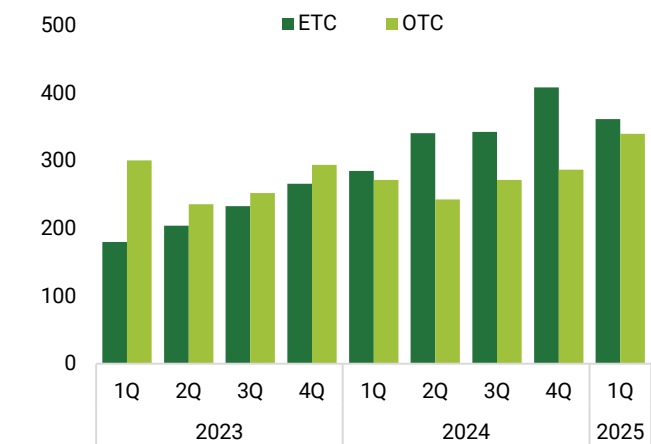
Cập nhật KQKD Q1/2025

IMP công bố KQKD Q1/2025 tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu gộp tăng 23.3% YoY đạt 671 tỷ đồng và LNTT tăng 22.5% YoY đạt 95 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 23% kế hoạch doanh thu và 19% kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Mức tăng trưởng được hỗ trợ đồng đều từ cả hai kênh ETC và OTC:

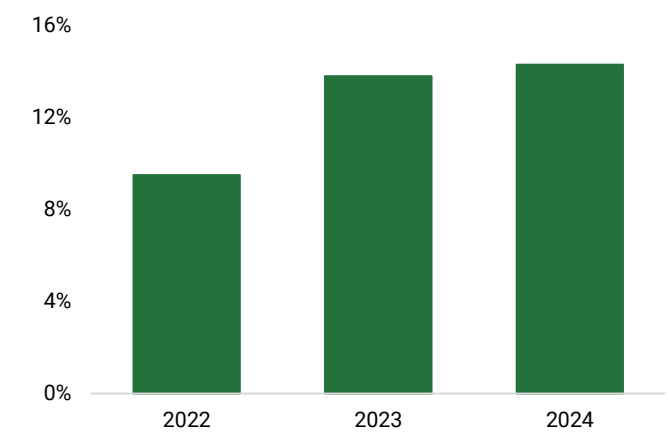
- Kênh ETC: Doanh thu tăng 27% YoY nhờ mở rộng hợp tác với các bệnh viện và sự đóng góp tích cực từ nhóm thuốc kháng sinh tiêm giá trị cao. Ngoài ra, thêm 1 dây chuyền sản xuất tại IMP được chứng nhận đạt chuẩn EU-GMP vào cuối năm 2024 đóng góp vào mức tăng trưởng tích cực tại kênh bệnh viện (nâng tổng số dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP là 12).

- Kênh OTC: Phục hồi mạnh mẽ với doanh thu tăng 25% YoY và đạt mức cao nhất trong nhiều năm tính theo quý, đặc biệt nổi bật tại miền Bắc (+69% YoY) nhờ các chiến dịch quảng bá, khuyến mại hiệu quả và tăng cường hợp tác với các chuỗi nhà thuốc. Nhóm sản phẩm thuốc ho ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng (+42% YoY) trong bối cảnh các bệnh đường hô hấp gia tăng đầu năm. Kế hoạch mở rộng tại miền Bắc dự kiến sẽ đóng góp tích cực cho kênh OTC trong thời gian tới.

Biên lợi nhuận gộp tăng 270bps YoY đạt mức 39.5% nhờ kiểm soát hiệu quả giá vốn hàng bán và đẩy mạnh hoạt động sản xuất tại tất cả các dây chuyền đạt chuẩn EU-GMP, trong đó, sản lượng sản xuất tại nhà máy IMP4 tăng đến 126% YoY. Trong quý, IMP cũng đã ra mắt 9 sản phẩm mới và đang triển khai 133 dự án R&D, cho thấy sự đầu tư mạnh vào danh mục sản phẩm trong tương lai.

Hình 1: Doanh thu kênh ETC và OTC theo quý (Tỷ đồng)


Nguồn: IMP, PHS tổng hợp

Hình 2: Thị phần đấu thầu thuốc nhóm 2 kênh bệnh viện của IMP (%)


Nguồn: DAV, IMP, PHS tổng hợp

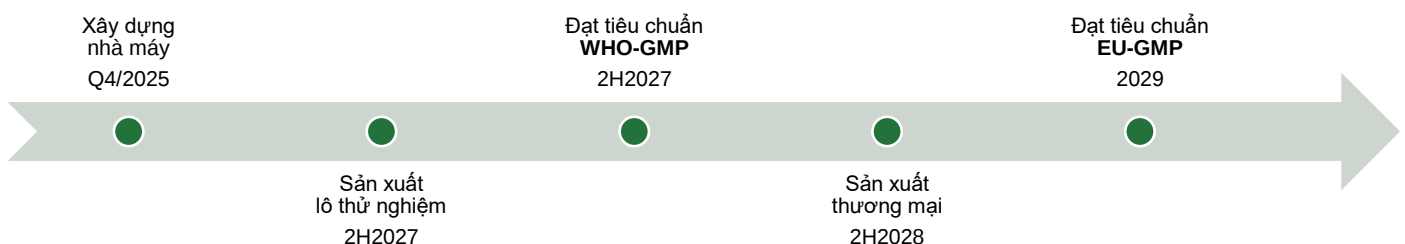
Triển vọng năm 2025

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, IMP đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 với tổng doanh thu tăng 18.6% YoY đạt 2,981 tỷ đồng và LNTT tăng 22.1% YoY đạt 493.5 tỷ đồng. Chiến lược trọng tâm của công ty gồm:

- Kênh ETC: tiếp tục phát huy thế mạnh, khai thác tốt hơn phân khúc dược phẩm công nghệ cao như thuốc tiêm.
- Kênh OTC: đẩy mạnh mở rộng, tăng cường hợp tác với các chuỗi nhà thuốc và mở rộng mạng lưới phân phối tại miền Bắc, nơi tỷ lệ thâm nhập của IMP còn thấp. Từ nửa cuối năm 2024, IMP đã xây dựng đội ngũ bán hàng mới tại chi nhánh Hà Nội với 34 trình dược viên, giúp số lượng khách hàng tăng 50% YoY và đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng chung.

Bên cạnh đó, IMP dự kiến cho ra mắt 16 sản phẩm mới trong năm 2025, tập trung vào phân khúc công nghệ cao như “first generic”, thuốc tương đương sinh học và dạng bào chế phức tạp, kỳ vọng đóng góp 5 – 10% doanh thu năm 2025.

Trong cuộc họp, đại diện SK Group cho biết tập đoàn đang tiến hành đánh giá và cân nhắc cơ cấu lại danh mục đầu tư trên toàn cầu, trong đó có thị trường Việt Nam. Do đó, khả năng thay đổi tỷ lệ sở hữu tại IMP có thể xảy ra, tuy nhiên không nhất thiết dẫn đến thoái vốn và hiện vẫn chưa có kế hoạch chính thức. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại IMP, từ 75% tăng lên 77.96% tổng số vốn điều lệ.

Hình 3: Lộ trình triển khai dự kiến của nhà máy IMP5


Nguồn: IMP, PHS tổng hợp

Đối với Tổ hợp Nhà máy Dược phẩm Cát Khánh (IMP5) tại Đồng Tháp, công ty dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào cuối năm 2025 và sản xuất thương mại từ 2H2028. Danh mục sản phẩm của nhà máy đang được hoàn thiện với 146 dự án R&D, tập trung vào các nhóm điều trị ngoài kháng sinh như tim mạch, tiểu đường, tiêu hóa... cùng nhiều loại thuốc kháng sinh tiềm. IMP kỳ vọng các sản phẩm công nghệ cao từ IMP5 sẽ có biên lợi nhuận cao hơn đáng kể so với danh mục hiện tại, từ đó hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận chung khi nhà máy đi vào hoạt động.

Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng của IMP dựa trên các kỳ vọng:

(1) Xu hướng ngành thuận lợi: Nhu cầu chăm sóc sức khỏe gia tăng cùng các chính sách ưu tiên thuốc sản xuất trong nước sẽ thúc đẩy tăng trưởng ngành dược phẩm Việt Nam;

(2) Lợi thế sản xuất theo tiêu chuẩn cao: IMP là doanh nghiệp đầu ngành sở hữu 12 dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP, tạo nền tảng mở rộng mạnh mẽ tại kênh ETC tại thuốc nhóm 1 và 2. Tại thị trường thuốc kê đơn (kênh bệnh viện), vị thế của IMP đã vươn lên top 3 toàn ngành (bao gồm cả doanh nghiệp nội và ngoại), từ vị trí thứ 11 vào năm 2022.

(3) Dẫn đầu thị trường thuốc kháng sinh: IMP nắm giữ 10% thị phần thuốc kháng sinh dạng uống và tiêm, nổi bật với các sản phẩm thế hệ mới, công nghệ cao và có vị thế vững chắc trong việc chống lại xu hướng kháng kháng sinh đang gia tăng. Các nhà máy công nghệ cao IMP3 và IMP4 tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng lĩnh vực này.

(4) Chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm: Việc triển khai dự án nhà máy IMP5 tập trung vào các nhóm điều trị mới như tim mạch, tiểu đường, tiêu hóa... giúp công ty mở rộng thị trường, củng cố vị thế cho IMP trong trung và dài hạn.

Dự phóng KQKD 2025F và 2026F

	1Q25	% YoY	2024	2025F	% YoY	2026F	% YoY	Nhận định
Doanh thu gộp (Tỷ VND)	671	23.3%	2,513	2,886	14.8%	3,318	15.0%	Trong giai đoạn 2025F – 2029F, chúng tôi dự phóng IMP sẽ ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép CAGR là 12%/năm, tương đương so với mức tăng trưởng chung của toàn ngành dược phẩm là 10 – 13%/năm, theo IQVIA. Trong đó, thuốc kháng sinh tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính với CAGR là 13%/năm dựa trên: (1) IMP sở hữu danh mục kháng sinh thế hệ mới đa dạng hơn so với các đối thủ trong nước, (2) vận hành 12 dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP giúp IMP tiên phong phát triển thuốc kháng sinh giá trị cao; (2) kháng sinh là nhóm điều trị chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tiêu thụ thuốc tại Việt Nam và được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với CAGR là 9%/năm, theo IQVIA.
LNTT (Tỷ VND)	95	22.5%	404	477	18.1%	566	18.6%	
LNST (Tỷ VND)	74	20.3%	321	379	18.1%	449	18.6%	
Biên LN gộp (%)	39.5%		38.8%	39.5%		40.2%		Biên lợi nhuận gộp cải thiện nhờ (1) dịch chuyển danh mục sản phẩm sang phân khúc giá trị cao, ít cạnh tranh như thuốc tiêm, viên nén phân tán; (2) các chính sách kiểm soát chi phí nguyên vật liệu hiệu quả và (3) gia tăng công suất hoạt động tại các nhà máy. Tính đến cuối tháng 4/2025, IMP đã chốt giá API cho cả năm 2025, góp phần hạn chế tác động từ biến động giá nguyên liệu dược phẩm trên thị trường quốc tế.
Biên LN ròng (%)	12.5%		14.6%	14.6%		15.2%		

Nguồn: PHS dự phóng

Định giá và khuyến nghị

IMP hiện đang giao dịch tại P/E TTM là 21.8x, thấp hơn mức trung bình 5 năm là 22.9x. Sử dụng phương pháp định giá DCF và P/E, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** dành cho IMP với giá hợp lý là 50,600 VND/cổ phiếu (tăng 19% so với định giá trước đó nhằm phản ánh đầy đủ KQKD năm 2024 và tiềm năng tăng trưởng trong 5 năm tới), tương ứng mức tăng giá tiềm năng là 18% so với giá hiện tại. Định giá của chúng tôi chưa bao gồm tiềm năng từ nhà máy IMP5 do chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá danh mục sản phẩm mới.

Hình 4: Diễn biến P/E của IMP giai đoạn 2020 - 2025



Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Doanh thu thuần	1,644	1,994	2,205	2,599	2,950
Giá vốn hàng bán	(946)	(1,184)	(1,350)	(1,573)	(1,765)
Lợi nhuận gộp	697	811	856	1,025	1,185
Chi phí bán hàng	(269)	(310)	(312)	(391)	(452)
Chi phí QLDN	(132)	(120)	(128)	(147)	(152)
Lợi nhuận từ HĐKD	297	381	415	488	581
Lợi nhuận tài chính	(6)	(7)	(12)	(15)	(20)
Chi phí lãi vay	(18)	(29)	(31)	(25)	(35)
Lợi nhuận trước thuế	291	377	404	477	566
Lợi nhuận sau thuế	224	300	321	379	449
LNST của cổ đông Công ty mẹ	224	300	321	379	449
Cân đối kế toán	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tài Sản Ngắn Hạn	1,104	1,207	1,410	1,958	2,573
Tiền và tương đương tiền	179	106	162	545	898
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	93	142	130	147
Phải thu ngắn hạn	217	254	335	384	436
Hàng tồn kho	436	699	705	788	967
Tài sản ngắn hạn khác	60	54	66	110	124
Tài Sản Dài Hạn	1,173	1,185	1,095	982	893
Phải thu dài hạn	0	2	2	1	2
Tài sản cố định	489	936	859	768	679
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	581	47	44	44	44
Đầu tư tài chính dài hạn	71	71	67	97	110
Tài sản dài hạn khác	33	129	124	71	58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	2,277	2,393	2,505	2,940	3,467
Nợ phải trả	382	308	322	470	643
Nợ ngắn hạn	382	308	322	470	643
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	1,894	2,085	2,183	2,470	2,823
Vốn góp	667	700	1,540	1,540	1,540
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	2,277	2,393	2,505	2,940	3,467

Lưu chuyển tiền tệ	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	379	(40)	216	529	454
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(199)	79	(127)	(52)	(71)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(272)	(112)	(33)	(94)	(30)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(92)	(73)	56	383	353
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	271	179	106	162	545
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	179	106	162	545	898
Chỉ số tài chính	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tăng trưởng					
Doanh thu	29.8%	21.3%	10.6%	17.8%	13.5%
Lợi nhuận sau thuế	18.2%	34.0%	7.1%	18.1%	18.6%
Tổng tài sản	-0.8%	5.1%	4.7%	17.4%	17.9%
Tổng vốn chủ sở hữu	5.6%	10.0%	4.7%	13.1%	14.3%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	42.4%	40.6%	38.8%	39.5%	40.2%
Tỷ suất EBITDA	21.7%	23.3%	23.6%	25.9%	24.8%
Tỷ suất lãi ròng	13.6%	15.0%	14.6%	14.6%	15.2%
ROA	9.8%	12.8%	13.1%	13.9%	14.0%
ROE	12.1%	15.1%	15.0%	16.3%	17.0%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	50.6	46.4	55.3	55.3	55.3
Số ngày tồn kho	256.8	325.7	271.7	271.7	297.0
Số ngày phải trả	47.9	54.6	28.5	28.5	28.5
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	2.9	3.9	4.4	4.2	4.0
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.7	1.6	2.2	2.5	2.5
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.2	0.1	0.1	0.2	0.2
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.2	0.1	0.1	0.2	0.2
Vay ngắn hạn/VCSH	0.1	0.0	0.0	0.0	0.1
Vay dài hạn/VCSH	-	-	-	-	-

(Nguồn: PHS tổng hợp và ước tính)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình,
Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận
Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801